

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2026/HS-ST
Ngày 17-6-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Văn Viên;

Ông Nguyễn Đình Tư;

- Thư ký phiên toà: Ông Triệu Tuấn Bình - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trọng Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn và điểm cầu thành phần là trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vương Văn T, sinh ngày 01/7/1989 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 0/12; con ông: Vương Văn T1 (sinh năm 1958) và bà Vy Thị S (sinh năm 1962); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, đã bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 02 năm theo Quyết định số 03/2018/QĐ-TA ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Bị tạm giam từ ngày 09/01/2026 đến nay. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. Họ và tên: Ngọc Văn T2; sinh ngày: 21/02/1990 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Ngọc Văn L (đã chết) và bà Chu Thị C

(sinh năm 1963); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/01/2026 đến nay. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

3. Họ và tên: Nông Văn H; sinh ngày: 19/6/1995 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nông Văn T3 (đã chết) và bà Nông Thị G (sinh năm 1975); vợ: Lý Thị L1; con: Có 01 người sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/01/2026 đến nay. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Vương Văn T1, sinh năm 1958. Vắng mặt.

2. Bà Vy Thị S, sinh năm 1962. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn N, xã Q, tỉnh Lạng Sơn.

3. Chị Lý Thị L1, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn L, xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

- Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần:

1. Ông Nông Đức H1 – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn;

2. Ông Lý Minh Q – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn;

3. Ông Hoàng Văn K – Cán bộ Phân trại tạm giam L, Trại tạm giam Công an tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa tháng 8/2025, Vương Văn T phát hiện trong khe ván trên gác bếp của gia đình có 01 bọc được cuốn bằng vải cũ, bên trong có 02 phần của 01 khẩu súng, một phần gồm thân, nòng súng, phần còn lại là báng súng có gắn cò cùng 03 viên đạn bọc vào phần báng súng, khẩu súng đã cũ, gỉ. Vương Văn T nghĩ đây là khẩu súng của ông nội để lại vì từ khoảng tháng 4/2018, Vương Văn T được bà nội cho biết ông nội có 01 khẩu súng nhưng không nói để súng ở chỗ nào (ông bà nội của T đều đã chết). Hai ngày sau, Vương Văn T mang súng ra vườn sau nhà, dùng dầu nhớt xe máy lau sạch và lắp 02 phần của khẩu súng vào với nhau thành một khẩu súng hoàn chỉnh, sau đó tháo khẩu súng ra thành 02 phần và cho vào bao tải, dùng

dây cao su màu đen buộc lại, cất giấu vào máy quạt thóc để trong góc bếp, lấy các bao tải khác đặt lên trên để tránh bị người khác phát hiện.

Giữa tháng 9/2025, Vương Văn T, Ngọc Văn T2, Nông Văn H đi vào rừng L thuộc xã Đ, tỉnh Cao Bằng săn bắn và đặt bẫy thú rừng, khi đi Vương Văn T mang theo bao tải, bên trong có đựng súng. Vào trong rừng, Nông Văn H đi đặt bẫy ở chỗ khác, Vương Văn T và Ngọc Văn T2 đi cùng nhau. Vương Văn T mở bao tải ra và lắp các bộ phận của súng thành 01 khẩu súng hoàn chỉnh với mục đích thấy có con sóc sẽ dùng súng để bắn. Ngọc Văn T2 nhìn thấy Vương Văn T lắp súng. Sau đó, Vương Văn T và Ngọc Văn T2 mỗi người đi một hướng để săn bắn và đặt bẫy thú rừng. Vương Văn T sử dụng súng bắn được 01 con sóc. Ngọc Văn T2 và Nông Văn H đi đặt bẫy ở chỗ khác, không nhìn thấy Vương Văn T sử dụng súng bắn sóc mà chỉ nghe thấy 01 tiếng súng nổ. Khoảng 21 giờ cùng ngày, cả ba người gặp nhau, Vương Văn T cho Ngọc Văn T2 và Nông Văn H biết việc mình đã dùng súng bắn được 01 con sóc rồi mang về nhà Vương Văn T chế biến cùng ăn.

Ngày 16/12/2025, Vương Văn T, Ngọc Văn T2 và Nông Văn H cùng nhau vào rừng Lũng Tén để săn bắn và đặt bẫy thú rừng. Vương Văn T mang theo bao tải đựng 02 phần của khẩu súng. Ngọc Văn T2 và Nông Văn H biết Vương Văn T mang theo súng vì lần đi săn trước cả hai đã biết Vương Văn T mang theo bao tải bên trong có súng, do không thấy có sóc nên Vương Văn T không mang súng ra để sử dụng.

Ngày 20/12/2025, Vương Văn T, Ngọc Văn T2, Nông Văn H hẹn nhau đi vào rừng Lũng Tén săn bắn và đặt bẫy thú rừng. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Nông Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 12AA-205.75 đến nhà Vương Văn T. Vương Văn T mang theo bao tải bên trong đựng 02 phần của khẩu súng cùng 01 tua vít, bên ngoài buộc bằng dây cao su màu đen và 02 viên đạn để trong túi quần phía trước bên phải và lên ngồi sau xe của Nông Văn H, bao tải đựng súng để tại vị trí chân nhả phía sau bên phải xe của Nông Văn H. Khi đi được khoảng 100 mét thì gặp Ngọc Văn T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 12T1-064.56 đi trước. Đến bãi đất trống cạnh đường đầu thôn L, Nông Văn H và Ngọc Văn T2 để 02 xe mô tô tại đây, Vương Văn T cầm theo bao tải đựng súng và cả ba cùng nhau đi bộ vào rừng L. Khoảng 02 tiếng sau, khi cả ba người dừng nghỉ, Vương Văn T mở bao tải lấy 02 phần của khẩu súng, dùng tua vít lắp ráp thành 01 khẩu súng hoàn chỉnh với mục đích thấy thú rừng sẽ lắp đạn để bắn. Ngọc Văn T2 và Nông Văn H nhìn thấy Vương Văn T mang súng ra lắp, sau đó mỗi người đi một hướng khác nhau trong rừng để săn bắn và đặt bẫy thú rừng. Do không thấy có thú rừng nên Vương Văn T không sử dụng súng. Đến 21 giờ 30 phút, Vương Văn T tháo khẩu súng ra thành 02 phần và cho vào bao tải. Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 21/12/2025, khi 03 bị cáo đi đến vị trí để 02 xe mô tô ban đầu thì bị lực lượng Công an xã Q phát hiện. Cả ba người chạy trốn theo các hướng khác nhau, bỏ khẩu súng và 02 xe mô tô ở lại hiện trường. Trên đường chạy

trôn, Vương Văn T đã vút 02 viên đạn mang theo mà không nhớ đã vút ở vị trí nào.

Tại bản kết luận giám định số 49/KL-KTHS, ngày 27/12/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận: Khẩu súng dài 122,5cm gửi giám định là súng bắn đạn ghém thuộc vũ khí quân dụng", theo Phụ lục I "Danh mục vũ khí quân dụng" tại Thông tư số 75/2024/TT-BCA, ngày 15/11/2024 của Bộ C1. Hiện tại khẩu súng vẫn còn sử dụng để bắn được.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Vương Văn T, Ngọc Văn T2, Nông Văn H thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Bị cáo Nông Văn H xin được trả lại chiếc xe mô tô bị thu giữ vì đây là tài sản chung của hai vợ chồng, đăng ký xe mang tên bị cáo. Bị cáo Ngọc Văn T2 đề nghị được trả lại xe mô tô bị thu giữ đăng ký tên bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Vương Văn T1 và bà Vy Thị S khai, ông bà là bố mẹ, ở cùng nhà với Vương Văn T, ông bà không biết trong nhà có súng, đạn; không biết việc Vương Văn T cất giấu, lắp ráp và sử dụng súng, đạn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lý Thị L1 khai, chị là vợ của bị cáo Nông Văn H, chiếc xe mô tô bị thu giữ là tài sản chung của vợ chồng chị, đứng tên đăng ký là Nông Văn H. Chị đề nghị trả lại chiếc xe này cho bị cáo Nông Văn H.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSLS-P2 ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố Vương Văn T về tội Chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự; truy tố đối với Ngọc Văn T2, Nông Văn H về tội Không tố giác tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 390 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vương Văn T, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngọc Văn T2, Nông Văn H, xử phạt mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy các bao tải, dây cao su, tua vít; trả lại cho bị cáo Ngọc Văn T2 01 xe mô tô biển kiểm soát 12T1 – 064.56; trả lại cho bị cáo Nông Văn H 01 xe mô tô biển kiểm soát 12AA – 205.75 và 01 căn cước công dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; tịch thu, chuyển cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh L 01 khẩu súng tự chế để quản lý theo quy định. Các

bị cáo phải chịu án phí theo quy định. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

[2] Tại phiên tòa, có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Vương Văn T có hành vi tàng trữ, sử dụng 01 khẩu súng bắn đạn ghém thuộc vũ khí quân dụng để săn bắn thú rừng. Ngọc Văn T2, Nông Văn H nhiều lần cùng Vương Văn T vào rừng L, thuộc xã Đ, tỉnh Cao Bằng để săn bắn, biết Vương Văn T tàng trữ, sử dụng súng bắn đạn ghém nhưng không tố giác hành vi của Vương Văn T.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an toàn công cộng và xâm phạm hoạt động tư pháp. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện.

[5] Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vương Văn T phạm tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Ngọc Văn T2, Nông Văn H phạm tội Không tố giác tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 390 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Ngọc Văn T2, Nông Văn H phạm tội lần đầu thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo Ngọc Văn T2, Nông Văn H có nhân thân tốt, chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo Vương Văn T chưa bị kết án, đã bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, đã bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 02 năm theo Quyết định số 03/2018/QĐ-TA ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn, chấp hành xong ngày 19/4/2020, tính đến nay đã đủ thời gian được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Vương Văn T không có thu nhập ổn định, không sở hữu tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo Vương Văn T, xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[11] Đối với bị cáo Ngọc Văn T2 và Nông Văn H, căn cứ Điều 36 của Bộ luật Hình sự xét thấy, các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội nên xem xét xử phạt các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo do không có thu nhập ổn định.

[12] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy, ngày 20/12/2025, các bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12T1 – 064.56 và xe mô tô biển kiểm soát 12AA - 205.75 để di chuyển vào rừng, mang theo súng bắn đạn ghém để săn bắn nhưng đây không phải là phương tiện phạm tội gắn liền với hành vi phạm tội tàng trữ, sử dụng vũ khí quân dụng và hành vi phạm tội không tổ chức tội phạm; không có mối quan hệ nhân quả giữa phương tiện với hành vi phạm tội. Do vậy, cần trả lại các xe mô tô cùng giấy tờ xe, căn cước công dân cho các bị cáo. Đối với các bao tải, dây cao su, tua vít là phương tiện phạm tội, không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 súng bắn đạn ghém là vũ khí quân dụng nên cần tịch thu, chuyển cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh L quản lý theo quy định.

[13] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 7 của Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với bị cáo Vương Văn T;

Căn cứ khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngọc Văn T2, Nông Văn H;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; khoản 1, 4 Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tội danh

Tuyên bố bị cáo Vương Văn T phạm tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

Tuyên bố các bị cáo Ngọc Văn T2, Nông Văn H phạm tội Không tố giác tội phạm.

2. Hình phạt

Xử phạt bị cáo Ngọc Văn T2 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nông Văn H 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Ngọc Văn T2, Nông Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Ngọc Văn T2, Nông Văn H.

3. Xử lý vật chứng

3.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bao tải màu trắng đã ngả vàng;
- 02 (hai) dây cao su màu đen;
- 01 (một) tua vít.

3.2. Trả lại cho bị cáo Ngọc Văn T2 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda; biển kiểm soát: 12T1-064.56; loại xe: Hai bánh từ 50 - 175 cm³; số loại: JC52E WAVE S màu sơn đen, vàng, trắng, số máy: JC52E1025670, số khung: RLHJC5274DY053553; dung tích xi lanh: 109 cm³; số chỗ ngồi: 02, năm sản xuất: 2013; xe cũ đã qua sử dụng; chắn bùn phía trước, yếm bên phải, nhựa ốp ở cổ xe bị nứt vỡ; yên xe bị rách 02 chỗ, trên thân xe có nhiều vết xước, không có gương chiếu hậu bên phải.

3.3. Trả lại cho bị cáo Nông Văn H:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda; biển kiểm soát: 12AA-205.75; loại xe: Hai bánh từ 50 - 175 cm³; số loại WAVE A, màu sơn xanh; số máy: JA70E1177360, số khung: RLHJA393XSY222274; dung tích xi lanh: 109.2 cm³; số chỗ ngồi: 02, năm sản xuất: 2025; xe cũ đã qua sử dụng; không có gương chiếu hậu cả 02 bên.

- 01 (một) căn cước công dân số 020095008496, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - BCA cấp ngày 27/6/2021 mang tên Nông Văn H.

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 1200007057 do Công an xã Q cấp ngày 26/11/2025 mang tên Nông Văn H.

(Các vật chứng nêu tại mục 3.1, 3.2, 3.3 hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Lạng Sơn theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/4/2026 giữa Điều tra viên, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Lạng Sơn).

3.4. Tịch thu, chuyển cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh L 01 khẩu súng tự chế để quản lý theo quy định (vật chứng hiện đang lưu giữ tại Đại đội 29, Phòng Hậu cần - Kỹ thuật, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh L theo Biên bản giao nhận VKTBKT ngày 12/02/2026).

4. Án phí

Các bị cáo Vương Văn T, Ngọc Văn T2, Nông Văn H mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/6/2026). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 2 – Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 2 – Lạng Sơn;
- Bị cáo; bị hại; người bào chữa;
- Người có QL&NVLQ;
- Người đại diện của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng